Sign In

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC
Số: 333/QĐ-NH2

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 9 tháng 10 năm 1997

QUYẾT ĐỊNH

Huỷ bỏ và bổ sung một số mã ngân hàng, tổ chức tín dụng, kho bạc Nhà nước trong Quy định hệ thống mã ngân hàng, tổ chức tín dụng và kho bạc Nhà nước

THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ pháp lệnh Ngân hàng Nhà nước Việt nam, Pháp lệnh Ngân hàng, hợp tác xã tín dụng và công ty tài chính ngày 23-5-1990;

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 2-3-1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý Nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Quyết định số 83/QĐ-NH2 ngày 9-4-1996 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế Ngân hàng thành viên tham gia thanh toán điện tử liên ngân hàng.

Căn cứ Quyết định số 196/TTg ngày 1-4-1997 của Thủ tướng Chính phủ về việc sử dụng các dữ liệu thông tin trên vật mang tin để làm chứng từ kế toán và thanh toán của các Ngân hàng và tổ chức tín dụng.

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế toán - Tài chính Ngân hàng Nhà nước,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Huỷ bỏ một số mã Ngân hàng, Tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước tại điều 4 của "Quy định hệ thống mã Ngân hàng và các Tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước" ban hành theo Quyết định số 133/QĐ-NH2 ngày 17-05-1997 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước như sau:

Số TT	Tên địa danh và tên Ngân hàng, Tổ chức tín dụng trên địa bàn	Số thứ tự cũ	Mã Ngân hàng

1	**2**		**3**
	10. TỈNH LAI CHÂU		
	Kho bạc Nhà nước		
	Kho bạc Nhà nước Điện Biên	6	19701065
	11. TỈNH SƠN LA		
	Ngân hàng đầu tư & Phát triển		
1	Chi nhánh Ngân hàng đầu tư & phát triển Sơn La	1	20201012
	Quỹ Tín dụng nhân dân		
1	Quỹ Tín dụng nhân dân Phù Yên	1	20901011
2	Quỹ Tín dụng nhân dân Chiềng Xung	2	20901023
3	Quỹ Tín dụng nhân dân phường Quyết Thắng	3	20901035
4	Quỹ Tín dụng nhân dân thị trấn nông trường Chiềng Ve	4	20901047
5	Quỹ Tín dụng nhân dân Mộc Châu	5	20901059
	14. TỈNH HẢI DƯƠNG		
	Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn		
1	Chi nhánh NHNo& phát triển nông thôn huyện Nam Thanh	3	24204035
2	Chi nhánh NHNo& phát triển nông thôn huyện Kim Môn	4	24204041
3	Chi nhánh NHNo& phát triển nông thôn huyện Cẩm Bình	5	24204053
	Kho bạc Nhà nước		
1	Kho bạc Nhà nước huyện Nam Thanh	3	24701038
2	Kho bạc Nhà nước huyện Kim Môn	4	24204041
3	Kho bạc Nhà nước huyện Cẩm Bình	5	24701051
	15. TỈNH HƯNG YÊN		

	Ngân hàng nông nghiệp & phát triển nông thôn		
1	Chi nhánh NHNo& phát triển nông thôn huyện Phù Tiên	3	25204034
	Kho bạc Nhà nước		
1	Kho bạc Nhà nước huyện Phù Tiên	2	257001020
	18. TỈNH PHÚ THỌ		
	Ngân hàng đầu tư & phát triển		
1	Chi nhánh Ngân hàng đầu tư & phát triển huyện Thanh Sơn	3	28202034
	Quỹ Tín dụng nhân dân		
1	Quỹ Tín dụng nhân dân Yên Lập	25	28900257
2	Quỹ Tín dụng nhân dân Tân Phong	26	28900269
	19. TỈNH VĨNH PHÚC		
	Ngân hàng Công thương		
1	Chi nhánh Ngân hàng Công thương huyện Mê Linh	2	29201025
	22. HÀ NAM		
	Quỹ tín dụng nhân dân		
1	Quỹ tín dụng nhân dân Công Lý - Lý Nhân	8	32900088
	32. THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH		
	Ngân hàng Công thương		
1	Chi nhánh Ngân hàng Công thương thành phố Hồ Chí Minh	2	50201023
	Ngân hàng thương mại cổ phần		
1	Ngân hàng thương mại cổ phần Đồng Tháp	20	50330018
	33. THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG		
	Ngân hàng Công thương		
1	Chi nhánh Ngân hàng Công thương Khánh Hoà	2	

2	Chi nhánh Ngân hàng Công thương Khu vực 3	3	51201030
	Ngân hàng Nông nghiệp & phát triển nông thôn		
1	Chi nhánh NHNo & PTNT thành phố Đà Nẵng	1	51204011
	36. TỈNH BÌNH ĐỊNH		
	Ngân hàng Nông nghiệp & phát triển nông thôn		
1	Chi nhánh NHNo& phát triển nông thôn huyện khu vực 4	2	54204027
	38. TỈNH KHÁNH HOÀ		
	Ngân hàng Ngoại thương		
1	Ngân hàng Ngoại thương tỉnh Khánh Hoà	1	56203012
	39. TỈNH BÌNH THUẬN		
	Quỹ Tín dụng nhân dân		
1	Quỹ Tín dụng nhân dân Đức Chính	18	58900181
2	Quỹ Tín dụng nhân dân Bình Thạnh	19	58900193
	43. TỈNH ĐẮC LẮC		
	Ngân hàng đầu tư & phát triển		
1	Chi nhánh Ngân hàng đầu tư & phát triển tỉnh Đắc Lắc	1	62201017
	47. TỈNH TÂY NINH		
	Quỹ Tín dụng nhân dân		
1	Quỹ Tín dụng nhân dân Hiệp Ngân	8	67900083
	50. TỈNH LONG AN		
	Kho bạc Nhà nước		
1	Kho bạc Nhà nước Cần Giộc	6	70701067
	51. TỈNH ĐỒNG THÁP		
	Ngân hàng thương mại cổ phần		
1	Ngân hàng thương mại cổ phần Đồng Tháp	1	72340011
	54. TỈNH BẾN TRE		

	Ngân hàng nông nghiệp& phát triển nông thôn		
1	Chi nhánh NHNo& phát triển nông thôn Giồng Trôm	3	77204035
	Kho bạc Nhà nước		
1	Kho bạc Nhà nước		
1	Kho bạc Nhà nước Giồng Trôm	7	77701070

Điều 2: Bổ sung một số mã Ngân hàng, Tổ chức tín dụng, Kho bạc Nhà nước tại điều 4 của "Quy định hệ thống mã Ngân hàng và các Tổ chức tín dụng. Kho bạc Nhà nước "Ban hành theo Quyết định số 133/QĐ-NH2 ngày 17-5-1997 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước.

Số TT	**Tên địa danh và tên Ngân hàng, Tổ chức tín dụng trên địa bàn**	**Số TT mới**	**Mã Ngân hàng**
1	**2**	**3**	**4**
	1. THÀNH PHỐ HÀ NỘI		
	Ngân hàng Công thương		
1	Chi nhánh Ngân hàng công thương Thanh Xuân	10	10201106
	Ngân hàng đầu tư & phát triển		
1	Phòng thanh toán tập trung Ngân hàng đầu tư và phát triển Trung ương	9	10202096
	Ngân hàng nông nghiệp & phát triển nông thôn		
1	Chi nhánh NHNo& phát triển nông thôn Láng Hạ	9	10204090
	Kho bạc Nhà nước		
1	Kho bạc Nhà nước Tây Hồ	10	10701104
2	Kho bạc Nhà nước Thanh Xuân	11	10701111
	10. TỈNH LAI CHÂU		
	Ngân hàng đầu tư & phát triển		
1	Chi nhánh Ngân hàng đầu tư & phát triển huyện Phong Thổ	2	19202020